

ĐƯA PHONG TRÀO THI ĐUA CHĂN NUÔI LỢN GIỎI TIẾN LÊN MỘT BƯỚC MỚI

PHAN VĂN CHIÊU

Sau ba năm thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng, lần đầu tiên kể từ sau hòa bình (1954), miền Bắc nước ta đã đạt và vượt mức kế hoạch chăn nuôi.

Như vậy là đàn lợn của ta trên toàn miền Bắc đã vượt qua « cửa ải » 6 triệu con, nhưng điều đáng nêu không chỉ đã vượt về số lượng mà còn vượt cả về *trọng lượng* xuất chuồng và *sản lượng thịt hàng hóa* bán cho Nhà nước. Đàn lợn trong cả ba khu vực chăn nuôi đều tăng. Riêng đàn lợn của khu vực gia đình xã viên tăng khá nhất : đạt 5,4 triệu con, chiếm 87,1% so với tổng số đàn lợn, và tăng 8,1% so với năm 1972. Đặc biệt, đàn lợn ở các vùng đều tăng : khu IV cũ tăng 9,2%, đồng bằng tăng 10,6%, trung du tăng 8,1% và miền núi tăng 3,9%. Do đàn lợn phát triển khá, chất lượng đàn lợn thịt và đàn lợn nái có tiến bộ rõ rệt, sản phẩm thịt xuất chuồng và bán cho Nhà nước đều tăng, số hộ xã viên nuôi từ hai con lợn trở lên được mở rộng.

Nhìn chung trong năm qua, huyện nào cũng có vài trăm hộ, tỉnh nào cũng có vài nghìn hộ bán cho Nhà nước từ 100 kg đến 500 — 600 kg, có nơi trên dưới 1 tấn thịt lợn hơi. Khá nhiều gia đình đã bán hàng tạ lợn hơi. Khá nhiều gia đình đã bán hàng tạ lợn giống cho hợp tác xã. Hàng vạn lợn hậu bị giống tốt của bà con nông dân miền Bắc đã được đưa vào để giúp đồng bào vùng giải phóng miền Nam khôi phục lại ngành chăn nuôi. Trong khu vực kinh tế tập thể ngày càng xuất hiện nhiều người chăn nuôi giỏi, nhiều trại chăn nuôi giỏi đạt năng suất lao động cao : một người một năm sản xuất được 10 tấn thịt lợn hơi, một trại sản xuất được từ 20 đến 50 tấn thịt lợn hơi và nhiều hơn nữa.

Trong khu vực kinh tế quốc doanh, có một số nông trường chăn nuôi lợn tiến tiến như nông trường Tam-đảo, nông trường Phú-sơn (Vinh-phú), nông trường Đông-triều (Quảng-ninh), nông trường Yên-thế (Hà-bắc) v.v... đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực đối với các hợp tác xã và gia đình xã viên.

Có thể nêu lên mấy nguyên nhân chính của tình hình nói trên, đồng thời cũng là những bài học kinh nghiệm của ngành chăn nuôi vừa qua :

1. Bước đầu, chúng ta đã quán triệt thêm một bước tinh thần cơ bản của Nghị quyết 19 về chăn nuôi, sự quán triệt ấy thể hiện ở chỗ :

a) Chúng ta, trước hết là những đơn vị, những cơ sở, những gia đình chăn nuôi giỏi, đã nắm được mục đích, nội dung, thực chất của vấn đề sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong chăn nuôi nước ta là : *phải tạo ra cho được một năng suất lao động cao và một khối lượng sản phẩm hàng hóa nhiều, trên cơ sở không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

Trước mắt, điều mà ngành chăn nuôi nước ta cần, đó là phải biết tổ chức những cơ sở sản xuất có hiệu quả kinh tế cao ngay trong những qui mô chăn nuôi nhỏ và vừa ; phải biết đưa những kế hoạch chăn nuôi nhỏ và vừa của từng gia đình xã viên và từng hợp tác xã thống nhất chung vào trong qui hoạch chăn nuôi của cả nền sản xuất lớn.

Muốn làm được như vậy, điều cần thiết trước hết là : chúng ta phải chú trọng tới tính *cán đối* trong khi định kế hoạch, định *qui mô* chăn nuôi. Như lời Thủ tướng

Phạm Văn Đồng đã nói: Cũng như bất cứ ngành nào, và có khi còn hơn bất cứ ngành nào, ngành chăn nuôi đòi hỏi tính cân đối cao, tính kế hoạch cao, tính khoa học rất cao. Cần tuyệt đối tránh kiểu làm việc tùy tiện, tránh lối đặt kế hoạch chung chung.

Trong các cân đối, thì cân đối về thức ăn là căng thẳng nhất, nghiêm ngặt nhất, quyết định nhất, bởi vì thức ăn là cơ sở của chăn nuôi, là động lực của chăn nuôi.

b) Chúng ta đã bước đầu quán triệt được rằng: sản xuất lớn trong chăn nuôi của miền Bắc là phải phát huy được thế mạnh và khả năng tiềm tàng của cả ba khu vực chăn nuôi: quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên; và của ba vùng: trung du, đồng bằng, miền núi.

Thời gian qua, chăn nuôi quốc doanh với vai trò chủ đạo, đã bước đầu triển khai dần những nhiệm vụ cơ bản của nó là: giữ giống gốc, sản xuất giống hậu bị, sản xuất thức ăn tinh chế, sản xuất thuốc thú y và xây dựng mạng lưới thú y nhân dân.

Chăn nuôi tập thể đang đi dần theo hướng thỏa mãn được cả ba quyền lợi của Nhà nước, hợp tác xã và gia đình xã viên, bằng cách chuyển dần sang kinh doanh lợn nái và sản xuất lợn con nuôi thịt cho gia đình xã viên; bên cạnh đó vẫn bảo đảm nghĩa vụ bán thực phẩm cho Nhà nước.

Chăn nuôi gia đình xã viên thời gian qua đã phát triển khá, nhờ đã biết phát huy những kinh nghiệm và nguồn nhân lực lao động phụ, cộng với một nghệ thuật chăn nuôi tinh tế và hợp lý, nhằm tận dụng đến mức cao khả năng của đất, của người và của lợn.

2. Thời gian qua, chúng ta đã bước đầu phát huy được ảnh hưởng qua lại giữa chăn nuôi với trồng trọt, cân đối từng bước chăn nuôi với trồng trọt, làm cho chăn nuôi và trồng trọt cùng dựa vào nhau phát triển. Kinh nghiệm nhiều năm đã cho thấy: chăn nuôi tiến lên vững chắc trên cơ sở giải quyết dần từng bước vấn đề lương thực. Thóc và lợn là hai thực thể hữu cơ, gắn bó với nhau, ràng buộc lẫn nhau, nương tựa vào nhau. Tuy nhiên trong những năm sắp tới cần ra sức đưa dần ngành chăn nuôi tiến lên cái thế phát triển tương đối độc lập với trồng trọt, giảm dần tính phụ thuộc vào lương thực của người, trước hết là thóc. Hướng phát triển chăn nuôi lợn của chúng ta trước hết là để lấy thịt cung cấp cho xã hội, đồng thời lấy phân cung cấp cho đồng ruộng, và nguyên liệu cho công nghiệp. Rõ ràng cho đến nay và cả về sau này, phân chuồng

là một trong những vấn đề «sinh tử» của nông nghiệp nước ta, nó mang một ý nghĩa tái sản xuất rất sâu sắc. Những người chăn nuôi giỏi vừa qua, cũng chính là những người làm phân giỏi. Nuôi lợn vừa lấy thịt, vừa lấy phân, vừa ích nước, vừa lợi nhà, vừa góp phần xây dựng hợp tác xã vững mạnh.

3. Thời gian qua, chúng ta đã có được những biện pháp chỉ đạo chăn nuôi tốt, điển hình là phương thức chỉ đạo «huyền trọng điểm» chăn nuôi, và phong trào thi đua với Nam-ninh, là cờ đầu của ngành chăn nuôi toàn miền Bắc. Đó là một phương thức tốt, góp phần làm cho những người lãnh đạo chăn nuôi, chỉ đạo chăn nuôi và trực tiếp chăn nuôi có ý thức sâu sắc về lợi ích thiết thực của vấn đề nuôi lợn theo qui trình kỹ thuật, trên cơ sở đó mà tiết kiệm được thức ăn, giống, vốn... mang lại những hiệu quả kinh tế thiết thực.

4. Thời gian qua, phương thức quản lý chi tiêu kế hoạch chăn nuôi đã được cải tiến một bước: chúng ta đã chuyển dần từ lối quản lý theo «đầu con» (không bảo đảm chính xác) sang quản lý theo «đầu cân». Nhờ thế, nhiều hợp tác xã đã xác định được hướng phấn đấu rõ rệt: vừa bán tăng số kilôgam thịt lợn cho Nhà nước, vừa tăng thu nhập cho gia đình, mà chỉ phải nuôi một số đầu lợn nhất định, với những giống tăng trọng nhanh, thế trọng cao, lợi dụng thức ăn tốt.

5. Một trong những nguyên nhân quan trọng nữa của các thắng lợi trên là do: thời gian qua, chúng ta đã bước đầu khai thác được tiềm lực to lớn, kinh nghiệm phong phú của khu vực chăn nuôi gia đình. Chúng ta đã đưa việc phát triển kinh tế chăn nuôi của từng gia đình đi đúng hướng. Thông qua hợp tác xã bằng các hình thức gia công, ký kết hợp đồng bai chiều, chăn nuôi gia đình đã phát huy được khả năng dồi dào của nó. Qua phong trào này, nổi lên một nét khá rõ: kỹ thuật chăn nuôi của người nông dân Việt-nam rất giỏi, kinh nghiệm chăn nuôi của người nông dân Việt-nam rất đáng tự hào. Phải tổng kết tốt kinh nghiệm này, để từ đó mà tìm ra những hướng đi đúng đắn của ngành chăn nuôi miền Bắc Việt-nam.

∴

Trên đây là một số nét lớn, nhìn lại những thành tích, tiến bộ và nguyên nhân thắng lợi của ngành chăn nuôi nước ta sau hơn ba năm thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 19

của Ban chấp hành trung ương Đảng và sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết 227 — CP của Hội đồng Chính phủ về phát triển chăn nuôi lợn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích và tiến bộ đó, ngành chăn nuôi lợn miền Bắc nước ta còn một số mặt yếu, cần tích cực giải quyết:

1) Tiềm lực chăn nuôi lợn miền Bắc nước ta còn rất to lớn nhưng nhịp độ phát triển chưa thật mạnh mẽ và chưa theo kịp yêu cầu rất cấp thiết của việc đẩy mạnh thâm canh. Nguyên nhân cơ bản là những khó khăn trước mắt về thức ăn, đặc biệt là thức ăn tinh bột cho lợn. Với một bình quân diện tích canh tác trên một đầu người quá thấp, trình độ thâm canh lại chưa thật cao, việc thường xuyên diễn ra mâu thuẫn trong việc giải quyết lương thực cho người và dành thức ăn cho phát triển chăn nuôi là điều dễ hiểu; hết giải quyết đúng đắn mâu thuẫn đó là một việc hết sức phức tạp.

Trong thời gian tới, nhiệm vụ trọng tâm của ngành chăn nuôi lợn, trước tiên là phải tập trung giải quyết vấn đề thức ăn. Có mấy hướng giải quyết chính:

— Đẩy mạnh thâm canh lúa, màu, trên cơ sở ra sức phát triển phân chuồng và mở rộng gieo trồng cây phân xanh trên diện tích đất đai thích hợp. Đồng thời tận dụng mọi thứ chất độn, rơm rác v.v... để làm phân chuồng.

— Ra sức sử dụng tốt đất 5% dành cho chăn nuôi và tận dụng mọi đất đai canh tác khác trên cơ sở bố trí một cơ cấu cây trồng hợp lý, đẩy mạnh luân canh, thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh hệ số sử dụng đất đai. Trước hết là mở rộng dần và có hiệu quả kinh tế cao diện tích gieo trồng các loại cây cốc, hoa màu và cây cỏ họ Đậu trong vụ đông để tạo nên nguồn thức ăn dồi dào và vững chắc cho chăn nuôi. Mặt khác phải hết sức chú ý tận dụng các nguồn phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp và công nghiệp, và xúc tiến nghiên cứu việc sử dụng các loại rong biển làm thức ăn cho gia súc.

— Triển khai việc xây dựng một số cơ sở công nghiệp phục vụ việc chế biến thức ăn tổng hợp cho các loại lợn, theo các loại khẩu phần khác nhau, bằng một thực đơn « Việt-nam » nhất, kinh tế nhất. Trên cơ sở đó, tách ra cho được thức ăn của lợn và thức ăn cho người. Nhờ đó, đàn lợn sẽ được ăn thức ăn đã qua chế biến, từ đó mà cân bằng được tỉ lệ dinh dưỡng, tiêu tốn ít đơn vị thức ăn cho 1 kg thịt hơi.

— Chọn những giống lợn tốt, đẩy mạnh việc lai kinh tế lợn, từ đó làm cho việc lợi dụng thức ăn của lợn được tốt hơn, tiết kiệm được thức ăn rút ngắn được thời gian nuôi dưỡng mà vẫn bảo đảm tăng trọng nhanh. Phải có quan điểm: làm tốt công tác giống là để phục vụ công tác thức ăn, và làm tốt việc chế biến thức ăn là để đáp ứng những yêu cầu dinh dưỡng của con giống.

— Hướng dẫn tốt các cơ sở, các địa phương, các gia đình chăn nuôi, biết cách tự sản xuất, tự tìm kiếm, tự chế biến lấy thức ăn bổ sung đạm và khoáng cho lợn. Trên cơ sở đó sẽ tạo ra được một khẩu phần thích hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao trong chăn nuôi. Phải thấy rằng: giải quyết tốt vấn đề đạm trong chăn nuôi, cũng chính là góp phần giải quyết tốt vấn đề tiết kiệm thức ăn tinh bột cho lợn.

— Chỉ đạo chặt, rút kinh nghiệm kịp thời và mở rộng dần từng bước việc « gia công » lợn, trên cơ sở thực hiện tốt các hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với hợp tác xã và gia đình xã viên.

2) Việc phát huy thế mạnh của ba khu vực chăn nuôi, của ba vùng chăn nuôi, thời gian qua mới làm được một phần. Tiềm lực to lớn, kinh nghiệm phong phú của chăn nuôi gia đình còn chưa được khai thác triệt để. Tính chất chủ đạo của chăn nuôi quốc doanh còn chưa được thể hiện đúng mức. Lợi ích kinh tế và hướng đi của chăn nuôi tập thể ở một số nơi, còn chưa được rõ ràng. Thời gian tới, chúng ta phải giải quyết cho được việc phân công giữa ba khu vực chăn nuôi, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu của từng khu vực chăn nuôi, để ba khu vực chăn nuôi đó, lúc nào và ở đâu, cũng thỏa mãn được lợi ích của cả ba bên: Nhà nước, hợp tác xã, và gia đình xã viên.

Riêng về ba vùng chăn nuôi, mấy năm qua chúng ta mới chú trọng nhiều tới chăn nuôi ở đồng bằng. Nhưng thực ra, khả năng của chăn nuôi miền núi và trung du còn to lớn hơn nhiều. Thời gian tới phải tập trung xác định cho được một kế hoạch phát triển chăn nuôi mạnh mẽ giữa ba vùng, có tính chất phân công, phối hợp, dựa vào nhau mà phát triển.

3) Thời gian qua, chăn nuôi lợn khu vực gia đình xã viên đã có tiến bộ, nhưng còn một số mặt yếu như sau:

— Đàn lợn phát triển chưa đều giữa các địa phương.

— Số lợn nuôi bình quân trên một hộ chưa có chuyển biến rõ. Toàn miền Bắc vẫn ở mức 1,5 lợn/1 hộ. Số hộ « trống chuồng » còn chiếm tới 15%. Trong những hộ có nuôi lợn

thì số hộ nuôi một con còn chiếm phần lớn (55,3%). Số hộ nuôi ba con trở lên còn ít (12,4%).

— Chất lượng đàn lợn tuy có tiến bộ nhưng còn chưa đều và chậm: thời gian nuôi lợn thịt còn dài, tăng trọng bình quân hằng tháng còn thấp, giá thành sản phẩm còn cao, sản lượng thịt lợn hàng hóa còn ít.

— Đàn lợn nái, với tổng số trên một triệu con, thì tuyệt đại bộ phận là nằm trong khu vực chăn nuôi gia đình xã viên. Do đó, việc đưa khoa học kỹ thuật, việc cải tạo, quản lý giống còn có nhiều khó khăn.

4) Việc động viên khen thưởng đối với phong trào thi đua của ngành chăn nuôi vừa qua có triển khai tốt, nhưng vẫn chưa sâu. Chúng ta vẫn chưa định ra được một số chính sách, chế độ cụ thể, chi tiết, để khuyến khích hơn nữa những đơn vị, những cá nhân chăn nuôi giỏi. Thời gian tới phải đi sâu vào phân tích hiệu quả kinh tế của những sáng kiến, kinh nghiệm của những người chăn nuôi giỏi, của những đơn vị chăn nuôi giỏi, bên cạnh đó có một chế độ khen thưởng thích đáng về tinh thần, khuyến khích thích đáng về vật chất, từ đó không ngừng đẩy mạnh phong trào thi đua chăn nuôi lợn giỏi tiến lên.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU TRONG VIỆC LẤY ĐƠN VỊ HUYỆN LÀM TRỌNG ĐIỂM CHỈ ĐẠO CHĂN NUÔI

TRẦN VĂN HÀ

Cách đây năm năm, một nhóm chuyên viên chăn nuôi đặt thành vấn đề nghiên cứu « phá bí » trong nông nghiệp, trước hết phá bí trên thế trận chăn nuôi mà mình phụ trách. Giữa họ, diễn ra nhiều lần những cuộc tranh cãi sôi nổi và li thú: « Có điểm rồi, sao không ra diện được? Tại sao cứ tồn tại một khoảng cách quá xa giữa kết quả nghiên cứu thực nghiệm của các viện với kết quả ở các hợp tác xã chỉ đạo trọng điểm, và giữa các hợp tác xã điểm với diện? Ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi trong việc chỉ đạo riêng, đều phải dành thời gian từ một đến hai ba năm để chuyển một hợp tác xã từ kém, hoặc trung bình trở thành một điển hình tiên tiến. Nhưng thường một thời gian sau, điển hình lại đi xuống. Phải chăng, cứ tiếp tục lặp đi lặp lại một chu trình không lấy gì làm hấp dẫn lắm như vậy? Và bao giờ thì cuộc cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp sẽ diễn ra trên diện rộng? Trong khi đó thì đồng hồ sơ về kết quả các đề tài nghiên cứu, và các tài liệu hướng

dẫn về khoa học và kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cứ ngày một cao dày mãi lên! »

Sau một thời gian nghiên cứu công phu về đặc điểm tình hình chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp của ta, trình độ cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn ở cấp huyện và tổng kết kinh nghiệm chỉ đạo chăn nuôi từ năm 1958 đến năm 1968; một phương thức chỉ đạo chăn nuôi mới được đề ra: coi huyện là một đơn vị kinh tế kế hoạch, chỉ đạo chăn nuôi theo từng vùng nhỏ hoặc cụm, mỗi cụm gồm từ 10 đến 20 hợp tác xã, hợp tác xã điểm chỉ là phương tiện, cụm và huyện mới là mục đích của việc chỉ đạo. Như vậy việc chỉ đạo « huyện điểm chăn nuôi » sẽ thay thế cho việc chỉ đạo « hợp tác xã điểm chăn nuôi », phải làm cho khoa học kỹ thuật chăn nuôi phát huy tác dụng thực sự trong toàn huyện, chừng nào toàn huyện đạt mục tiêu một hecta gieo trồng có từ hai con lợn trở lên, lợn xuất chuồng nặng từ 45 đến 50 kg trở lên, toàn huyện dùng hết diện tích đất 5%, bình quân một hợp tác xã nuôi từ 150 đến 200 lợn